

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BẢN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2023.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lụa

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hồ Trọng Trung;

- Bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên toà: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Th lý số 90/2022/TLST- HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 02/QĐ- TA ngày 09/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1989- Vắng mặt, có lý do.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1985- Vắng mặt không lý do.

Các đương sự đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn V1, xã VL, huyện VB, tỉnh LC.

3. Những người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1972; Ông Triệu Nguyên B, sinh năm 1970.

Đều có địa chỉ: Thôn Khôi Nghè, xã Sơn Thủy huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1987; Chị Ngô Thị Hòa, sinh năm 1989.

Đều cư trú tại: Thôn V1, xã VL, huyện VB, tỉnh LC. Những người làm chứng đều vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Triệu Thị M trình bày, có yêu cầu: Năm 2013, chị và anh Phạm Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Võ Lao. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh Th bất đồng quan điểm sống, nên năm 2021chị đã khởi kiện ly hôn, nuôi con với anh Th được Tòa giải quyết bằng bản án số 24/2021/HNGĐ - ST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bản đã quyết định cho chị ly hôn với anh Th. Sau khi ly hôn anh Th đến gặp trao đổi và phát sinh tình cảm nên ngày

22/10/2021 chị tiếp tục đăng ký kết hôn với anh Th trên cơ sở tự nguyện. Vợ cH hạnh phúc được khoảng 03 tháng, đến tháng 01/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống rồi chửi mắng, đánh chị lần qua lần. Mâu thuẫn gay gắt nhất vào tháng 5/2022 làm cho tình cảm bị rạn nứt, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn sinh sống, bỏ mặc không quan tâm, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ cH với anh Th tính đến nay khoảng 08 tháng nên chị không có thai với anh Th. Nay chị xác định, tình cảm vợ cH không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ cH với anh Th. Chị đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Phạm Văn Th.

Về con: Chị và anh Phạm Văn Th cả hai đều xác định có 02 con chung là cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 13/07/2013; cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/08/2016. Hiện nay cháu Kh và cháu D đang sống cùng anh Th. Tuy nhiên, tại bản án số 24/2021/HNGĐ- ST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã quyết định giao cháu Kh cho chị; giao cháu D cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Kh và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Nay chị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đề nghị giao cháu D, cháu Kh cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D, cháu Kh đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng nuôi con D cùng anh Th đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Triệu Thị M xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Chị và anh Th tự thỏa thuận. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị Triệu Thị M xác định, chị và anh Th không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày: Công nhận chị M trình bày về ly hôn lần thứ nhất và kết hôn tiếp theo, lý do phát sinh mâu thuẫn vợ cH phần trên là đúng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ cH điều qua tiếng lại làm rạn nứt tình cảm, mâu thuẫn gay gắt nhất khoảng tháng 5/2022 chị M đã bỏ mặc không còn quan tâm đến anh tính đến nay khoảng 8 tháng. Anh đã tìm mọi cách hàn gắn tình cảm nhưng chị M nhất quyết không đoàn tụ vợ cH với anh. Tuy nhiên, anh có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ cH với chị M nhưng không có cách nào để chị M về sống chung cùng anh. Nếu chị M cương quyết ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn mà tiếp tục cuộc sống như hiện nay. Nay xét thấy vẫn còn tình vợ cH đối với chị M, mục đích đoàn tụ thì anh chưa tìm ra được cách gì để chị M về chung sống xây dựng hạnh phúc với anh. Anh đề nghị giải quyết cho anh đ- ợc đoàn tụ vợ cH với chị Triệu Thị M.

Về con: Anh Phạm Văn Th xác định, chị M trình bày phần trên là đúng. Nay cháu D, cháu Kh đang sống cùng anh, anh Th đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng cách giao cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/08/2016 và cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 13/07/2013 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D, cháu Kh đủ 18 tuổi. Anh Th từ chối tiền cấp dưỡng nuôi con của chị M đối với cháu D mỗi tháng 1.500.000đ/tháng .

Về tài sản: Anh và chị M tự thỏa thuận, anh không đề nghị tòa giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị M không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không cho ai vay nợ. Anh không đề nghị tòa giải quyết.

Lời khai của người làm chứng ông Triệu Nguyên B, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1972, đều trú tại thôn Khỗi Nghè, xã Sơn Thủy có ý kiến về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa chị M và anh Th: “ Năm 2013 chị M và anh Th đăng ký kết hôn theo quy định, hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 8/2021 thì chị M và anh Th đã ly hôn. Tuy nhiên đến tháng 10/2021 chị M và anh Th đoàn tụ và đăng ký kết hôn lại. Vợ chồng hạnh phúc được 03 tháng thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th thường xuyên uống rượu, mắng chửi, đánh đập chị M, không chịu được chị M bỏ về nhà bố đẻ là ông Triệu Nguyên Thăng sống từ tháng 5/2022 đến nay. Còn cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 13/07/2013; cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/08/2016 đang sống cùng anh Th. Nếu họ cương quyết yêu cầu ly hôn nên tiếp tục giao cháu Kháng và cháu D cho anh Th nuôi dưỡng, giáo dục như hiện nay sẽ đảm B cuộc sống của các cháu. Đến nay cuộc sống của các con chị M và anh Th đã đảm B ổn định về mọi mặt. Còn việc chị M và anh Th có yêu cầu cấp dưỡng hay không thì cần tôn trọng quyết định của họ”.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn Triệu Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Phạm Văn Th vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại D Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5; điểm a, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 12/7/2013; cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/8/2016 cho anh Phạm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D, cháu Kh đủ 18 tuổi.

Triệu Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phạm Kh D mỗi tháng 1.500.000đ cùng anh Phạm Văn Th cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tổ tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Triệu Thị M yêu cầu ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, bị đơn anh Phạm Văn Th cư trú tại Thôn Vinh 1, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có giấy xác nhận do các đương sự cung cấp, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/8/2021, chị Triệu Thị M và anh Phạm Văn Th đã được ly hôn tại bản án số 24/2021/HNGĐ - ST của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, sau đó anh chị gặp và phát sinh tình cảm nên ngày 22/10/2021 anh, chị tiếp tục đến Ủy ban nhân dân xã Võ Lao đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng, đến tháng 01/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, phong cách sống nên vợ chồng thường xuyên điều qua tiếng lại, chửi mắng lẫn qua lẫn làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng và tự chấm dứt mối quan hệ tình cảm, sống ly thân từ tháng 5/2022, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Khôi Nghè, xã Sơn Thủy sống bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 08 tháng, mặc dù anh Th đã tìm bằng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ tình cảm với chị M. Tuy nhiên chị M xác định, hôn nhân giữa chị và anh Th thiếu sự yêu thương, quý trọng của người chồng, làm rạn nứt tình cảm. Chị M đề nghị được ly hôn với anh Th mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh Th như hiện nay. Việc anh Th không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Xét thấy, mặc dù chị M phát sinh tình cảm lần thứ hai với anh Th đã cho cơ hội gắn kết mối quan hệ tình cảm lần thứ hai nhưng anh Th không tiếp tục vun đắp hạnh phúc để đánh mất tình cảm của chị M. Chị M thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh Th tiếp tục chủ động yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với anh Th. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Th mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị M đề nghị được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

Về con: Mặc dù cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 13/07/2013; cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/08/2016 đã được giao người trực tiếp nuôi con tại bản án số 24/2021/HNGĐ- ST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Tuy nhiên, hiện cháu Kh và cháu D đang sống cùng anh Th. Nay chị M và anh Th cùng thỏa thuận thống nhất thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị giao cháu Kh và cháu D cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Kh và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị M tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng nuôi cháu D cùng anh Th đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, anh Th từ chối tiền cấp dưỡng nuôi con của chị M. Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị

M là chính đáng để con chưa thành niên có đủ điều kiện phát triển về mọi mặt. Bản thân chị M hiện là giáo viên có thu nhập ổn định từ tiền lương là 7.298.072đ/tháng nên cần xem xét chấp nhận. Việc anh Th từ chối tiền cấp dưỡng nuôi con từ chị M là tước đi quyền và nghĩa vụ của người mẹ đối với con của mình. Bản thân anh Th làm chủ cơ sở sửa chữa xe ô tô tại địa phương có thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng nên cùng với sự cấp dưỡng nuôi con của chị M để con có điều kiện phát triển về thể chất, văn hóa, giáo dục. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho cháu Kh và cháu D, cần chấp nhận đề nghị của chị M và anh Th giao cháu Kh, cháu D cho anh Th và hàng tháng chị M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Th là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh và cháu D.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn Th không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a, điểm đ khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Triệu Thị M đ- ợc ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Kh D, sinh ngày 01/08/2016 và cháu Phạm Quốc Kh, sinh ngày 13/07/2013 cho anh Phạm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu D, cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phạm Kh D mỗi tháng 1.500.000đ cùng anh Phạm Văn Th cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng

theo định kỳ dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 600.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d tại biên lai thu tiền số 0004339 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị tiếp tục phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã Võ Lao(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lụa

